UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH
TRƯỜNG THCS HÀNH TÍN TÂY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Minh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Phạm Văn Thạch	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ	
3	Kiều Thị Thu Thảo	Thư ký Hội đồng	Thư ký	
4	Nguyễn Thị Hồng Khanh	Giáo viên tổ KHTN	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Bạch	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
6	Nguyễn Diên Khoa	Tổ trưởng tổ KHTN	Thành viên	
7	Trương Tấn Mẫn	Tổ trưởng tổ KHXH	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Kim Yến	Nhân viên thư viện	Thành viên	
9	Đỗ Thị Minh Điểu	Giáo viên TPT	Thành viên	
10	Nguyễn Hữu Cận	Giáo viên tổ KHTN	Thành viên	
11	Dương Thị Ngọc Vinh	Nhân viên kế toán	Thành viên	

Quảng Ngãi – Năm 2023

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16-69
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16-33
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	22
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	29
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự trường học.	31
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.	32
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	33-41
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	34
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	36
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	38
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.	41
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	41-50

Mở đầu	41
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	42
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	43
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.	44
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	46
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	47
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	48
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.	50
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	51-55
Mở đầu	51
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	51
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.	55
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	56-67
Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.	58
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	60
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	60
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	61
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	62
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	64
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.	67
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	67-70
Tiêu chí 1	67
Tiêu chí 2	68
Tiêu chí 3	68
Tiêu chí 4	69
Tiêu chí 5	69
Tiêu chí 6	70
Kết luận	70
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71-72
Phần IV. PHỤ LỤC: Danh mục mã minh chứng	73-85

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	BCH	Ban chấp hành
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	BĐD	Ban đại diện
5	CBGV	Cán bộ, giáo viên
6	CĐCS	Công đoàn cơ sở
7	CM	Chuyên môn
8	CMHS	Cha mẹ học sinh
9	CNTT	Công nghệ thông tin
10	GV	Giáo viên
11	HĐKL	Hội đồng kỷ luật
12	HĐSP	Hội đồng sư phạm
13	HĐTĐG	Hội đồng tự đánh giá
14	HKPĐ	Hội khoẻ Phù Đổng.
15	HS	Học sinh
16	HT	Hiệu trưởng
17	PHT	Phó Hiệu trưởng
18	PCGD	Phổ cập giáo dục
19	PHHS	Phụ huynh học sinh
20	PGD&ĐT	Phòng Giáo dục & Đào tạo
21	QLCL	Quản lý chất lượng
22	SGD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
23	TĐG	Tự đánh giá
24	TDTT	Thể dục thể thao
25	THCS	Trung học cơ sở
26	TNTP	Thiếu niên tiền phong
27	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
28	HC-QT	Hành chính – Quản trị

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	

Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

Kết quả: Đạt mức 2.

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀNH TÍN TÂY**
Tên trường trước đây: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀNH TÍN**
Cơ quan chủ quản: **UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH**

Tỉnh/thành phố	Quảng Ngãi	Họ và tên Hiệu trưởng	Phạm Minh Tuấn
Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố	Nghĩa Hành	Điện thoại	0987142987
Xã/phường/thị trấn	Hành Tín Tây	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia	2016	Website	http://c2hanhtintaynh.quangngai.edu.vn/
Năm thành lập trường	2001	Số điểm trường	01
Công lập	Công lập	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Có học sinh nội trú	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 6	2	2	2	2	2
Khối lớp 7	2	2	2	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
Cộng	8	8	8	8	8

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	**Phòng**	**13**	**13**	**13**	**13**	**13**	

	học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	**Phòng học**	**8**	**8**	**8**	**8**	**8**	**8**
a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	8
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	**Phòng học bộ môn**	**5**	**5**	**5**	**5**	**5**	**5**
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	5
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
3	Khối phòng phục vụ học tập	0	1	1	1	2	2
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	0	1	1	1	2	2
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
II	**Khối phòng HC-QT**	**8**	**8**	**8**	**8**	**8**	**8**
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	8
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0

3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác.	1	1	1	1	1	HT
	Cộng	**23**	**23**	**23**	**23**	**23**	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Đạt chuẩn	*Trên chuẩn*	*Chưa đạt chuẩn*	
Hiệu trưởng	01	0	Kinh	01	0	0	
Phó Hiệu trưởng	01	0	Kinh	01	0	0	
Giáo viên	17	11	Kinh	11	01	05	Đang thực hiện lộ trình nâng chuẩn theo NĐ71
Nhân viên	02	02	Kinh	02	0	0	
Cộng	21	**13**	**Kinh**	**15**	**01**	**05**	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT		**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**	**Năm học 2021-2022**	**Năm học 2022-2023**
1	Tổng số GV	19	20	20	20	19
2	Tỷ lệ GV /lớp	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
3	Tỷ lệ GV/học sinh	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
4	Tổng số GVDG cấp huyện và tương đương (GVCN, ĐDDH)	6	7	8	11	12
5	Tổng số GVDG cấp tỉnh trở lên	2	2	2	2	6

4. Học sinh

a) Số liệu chung

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tổng số	213	221	212	199	210
- *Khối lớp 6*	51	62	51	47	61
- *Khối lớp 7*	58	51	61	53	46
- *Khối lớp 8*	53	57	45	57	51
- *Khối lớp 9*	51	51	55	42	52
Nữ	123	129	118	100	111
Dân tộc	58	58	43	42	40
Đối tượng chính sách	25	34	26	27	32
Khuyết tật	04	04	04	04	04
Tuyển mới	51	62	51	47	61
Lưu ban	0	0	02	0	0
Bỏ học	0	02	02	01	0
Học 2 buổi/ ngày	0	0	0	0	0
Bán trú	0	0	0	0	0
Nội trú	0	0	0	0	0
Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp	26,6 HS/Lớp	27,6 HS/Lớp	26,5 HS/Lớp	28,4 HS/Lớp	26,3 HS/Lớp
Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi	86,38%	85,52%	88,2%	85,42%	89,05%
- *Nữ*	123	113	103	88	99
- *Dân tộc*	58	34	26	22	24
Tổng số HS HT CT cấp học/tốt nghiệp	51/51	51/51	55/55	38/42	56/56 (Có 4 HS năm trước)
- *Nữ*	27	34	35	21	32
- *Dân tộc*	9	13	10	9	11
Tổng số HSG cấp huyện, tỉnh	Huyện:12; Tỉnh: 0	Huyện:03; Tỉnh: 0	Huyện:03; Tỉnh: 00	Huyện:09; Tỉnh: 01	Huyện:08; Tỉnh: 0
HSG quốc gia	0	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỷ lệ HS xếp loại giỏi/tốt	12,7%	10,0%	10,9%	19,59%	17,14%	
Tỷ lệ HS xếp loại khá	30,1%	32,6%	28,8%	34,17%	33,33%	
Tỷ lệ HS xếp loại TB/Đạt	57,3%	57,5%	59,4%	44,22%	49,52%	
Tỷ lệ HS xếp loại yếu/CĐ, kém	0%	0,0%	0,9%	2,01%	0%	
Tỷ lệ HS xếp loại HK tốt	70,9%	78,3%	88,7%	82,41%	85,71%	
Tỷ lệ HS xếp loại HK khá	28,6%	18,6%	9,9%	12,56%	13,80%	
Tỷ lệ HS xếp loại HK TB/CĐ	0,5%	3,2 %	1,4%	5,02%	0,47%	
Tỷ lệ HS TN THCS	100%	100%	100%	90,5%	100%	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Hành Tín Tây toạ lạc ở khu trung tâm hành chính xã Hành Tín Tây, cách trung tâm huyện Nghĩa Hành khoảng 17 km về phía Nam. Trường THCS Hành Tín Tây (tiền thân là Trường THCS Hành Tín) được thành lập vào năm 2001 theo Quyết định số 87/2001/QĐ-UB ngày 21/8/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày thành lập trường, được sự chỉ đạo và quan tâm của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, UBND huyện Nghĩa Hành, Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hành, Đảng uỷ, UBND xã Hành Tín Tây, cùng với sự cố gắng quyết tâm của đội ngũ CB, GV, NV, CMHS và học sinh, trường THCS Hành Tín Tây đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2016.

Trong những năm qua, tập thể CB, GV, NV và HS nhà trường đã không ngừng cố gắng phấn đấu, từng bước tạo dựng cảnh quan môi trường, xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ giảng dạy và học tập. Đến nay, nhà trường đã có một cơ ngơi tương đối khang trang, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của việc dạy và học trong thời kỳ mới, đặc biệt là chương trình GDPT 2018.

Năm học 2023-2024, trường THCS Hành Tín Tây có 21 CB, GV và NV, trong đó có 15 CB, GV và NV có trình độ đạt chuẩn, 01 GV có trình độ trên chuẩn và 05 GV đang thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ theo Nghị định 71/NĐ-CP. Nhà trường có chi bộ Đảng với 10 đảng viên. Các tổ chức khác trong nhà trường như Công đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, BĐD CMHS hoạt động đều tay, tích cực, nhiệt tình góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, cùng với sự phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể CB, GV, NV và HS, trường THCS Hành Tín Tây đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ trên tất cả các mặt hoạt động: nhà trường liên tục được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, được UBND huyện Nghĩa Hành tặng giấy khen, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Đội TNTP được công nhận vững mạnh xuất sắc, được các cấp tặng nhiều giấy khen, nhà trường liên tục được công nhận là cơ quan văn hóa. Nhiều CB, GV, NV được công nhận danh hiệu LĐTT, CSTĐ cơ sở và cấp tỉnh; Học sinh của trường đạt giải trong các kì thi HSG, KHKT… Đặc biệt, năm học

2021-2022, trường có 01 học sinh đạt giải nhì HSG cấp tỉnh và đỗ vào trường THPT Chuyên Lê Khiết. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS, thi chuyển cấp cũng như chất lượng giáo dục đại trà luôn ổn định.

2. Mục đích tự đánh giá

Theo thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của công việc kiểm định chất lượng giáo dục. Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường sẽ thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt của trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, Công văn 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Hội đồng tự đánh giá (HĐTĐG) của nhà trường đã triển khai công tác tự đánh giá đúng quy trình mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn, theo 7 bước sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Ngày 02/8/2023, Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định số 74/QĐ-THCSHTT về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá (HĐTĐG). Hội đồng TĐG gồm 11 thành viên do ông Phạm Minh Tuấn - Hiệu trưởng nhà trường làm chủ tịch. Hội đồng TĐG của trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức các cuộc họp để triển khai thống nhất quy trình tự đánh giá, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm tới từng thành viên trong Hội đồng. Hội đồng TĐG gồm 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 (một) tiêu chuẩn.

Từ 07/8/2023 đến ngày 23/9/2023, các thành viên trong HĐTĐG và các nhóm công tác đã thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến tiêu chuẩn do mình phụ trách, mã hóa minh chứng và làm phiếu.

Ngày 25/9/2023, Hội đồng TĐG hoàn thành báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo để lấy ý kiến góp ý của toàn thể CBQL, GV, NV và BĐD CMHS và tiếp tục hoàn thiện báo cáo.

Để báo cáo TĐG đảm bảo chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chuẩn; thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các cơ sở dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG, nhà trường đã sử dụng công cụ chính là bộ Tiêu chuẩn đánh giá trường THCS (theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018); ngoài ra, còn có các công cụ khác như máy tính, máy in, mạng Internet,… để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Tự đánh giá là quá trình mô tả, phân tích, đánh giá hiện trạng của nhà trường theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn trong bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS (theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); từ đó thấy được những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong việc đáp ứng các yêu cầu và điều kiện của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn. Qua kết quả tự đánh giá từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển lâu dài của kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đồng thời mạnh dạn đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong nhiều lĩnh vực hoạt động của những chặng đường tiếp theo. Đặc biệt trong quá trình tự đánh giá, hội đồng đã thấy được những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản lý giáo dục của mình để sau quá trình tự đánh giá nhà trường sẽ điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với yêu cầu của ngành và nhu cầu của xã hội, đảm bảo tính khoa học và đồng bộ hơn, thể hiện được quyết tâm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Dựa trên bộ Tiêu chuẩn đánh giá trường THCS, nhà trường đã tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của trường trên tất cả các mặt hoạt động. Trong quá trình thực hiện TĐG, Hội đồng TĐG đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường như sau:

*** Điểm mạnh**

Trường THCS Hành Tín Tây có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và

trường trung học phổ thông có nhiều cấp học. Đội ngũ CBQL, GV của nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT, đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu bộ môn, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành GD&ĐT, của địa phương và đơn vị.

Trong những năm qua, nhà trường luôn được các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, ngành giáo dục quan tâm đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, phục vụ có hiệu quả cho hoạt động dạy và học trong nhà trường. Bên cạnh đó, công tác quản lý hành chính, quản lý tài sản, thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành luôn được nhà trường chú trọng tạo được sự chuyển biến tích cực trong đội ngũ CBQL, GV, NV và HS.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị hằng năm.

Trong 5 năm qua, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn ổn định và từng bước nâng cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, cấp học luôn đạt trên 98%; học sinh được khen thưởng bình quân các năm đạt trên 42,1%. Hằng năm, công tác tuyển sinh vào lớp 6 luôn đạt 100%/ tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tại địa phương, đạt chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh.

*** Điểm yếu**

Trường THCS Hành Tín Tây đóng trên địa bàn xã Hành Tín Tây. Đây là xã khó khăn của huyện Nghĩa Hành, có 02 thôn đặc biệt khó khăn (thôn Trũng Kè 1 và thôn Trũng Kè 2), học sinh người đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ cao (trung bình 22,78%) nên khó khăn cho công tác quản lý và nâng cao chất lượng dạy học.

Việc tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT và đổi mới phương pháp dạy học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ hoạt động dạy và học vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo, đặc biệt là CT GDPT 2018.

Nhà trường chưa có nhân viên y tế nên nhà trường phối hợp với trạm y tế xã để thực hiện việc khám sức khỏe ban đầu cho học sinh.

Nhìn chung, quá trình tự đánh giá của HĐTĐG của nhà trường đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và

khoa học. Đây là bằng chứng về các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể CB, GV, NV của nhà trường trong những năm qua. Đồng thời, bản báo cáo TĐG là công trình khoa học tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

*** Kết quả của quá trình tự đánh giá:**

- Kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt Cấp độ 2.
- Trường đạt chuẩn quốc gia: Đạt Mức độ 1.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Tổ chức và quản lí nhà trường là nhiệm vụ cơ bản và trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động giáo dục của một nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 được nhà trường xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường đã tham mưu, tư vấn và hỗ trợ tích cực cho lãnh đạo nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường gồm có 10 đảng viên, đây là lực lượng chính trị nòng cốt, tiên phong để đề ra các chủ trương, các giải pháp để lãnh đạo các hoạt động giáo dục và định hướng phát triển nhà trường trong từng giai đoạn và không ngừng đi lên. Ngoài ra, nhà trường còn có các đoàn thể và tổ chức khác như tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội CMHS. Các đoàn thể, tổ chức này hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Tính đến thời điểm tự đánh giá, trường THCS Hành Tín Tây có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; Từ năm học 2018-2019 đến nay, mỗi năm nhà trường có 08 lớp học, bao gồm từ lớp 6 đến lớp 9, bình quân có 27,08 học sinh/lớp; Nhà trường thực hiện tốt hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định; việc quản lý, phân công, sử dụng CB, GV, NV trong nhà trường công khai, minh bạch và hợp lý, đã góp phần phát huy tốt nguồn lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, việc rà soát, kiểm tra, đánh giá, phù hợp kịp thời và có hiệu quả; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; có phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Hành Tín Tây đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01], [H1-1.1-02].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 đã

được UBND xã Hành Tín Tây và phòng GD&ĐT Nghĩa Hành xác nhận và phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố, công khai trước hội đồng nhà trường, được đăng tải trên Website của nhà trường tại địa chỉ: http://c2hanhtintaynh.quangngai.edu.vn/ [H1-1.1-03] [Quan sát thực tế].

Mức 2:

Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023, nhà trường đã lập kế hoạch giám sát, phân công Ban thanh tra nhân dân giám sát; Hội đồng nhà trường đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển Trường THCS Hành Tín Tây giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 đã đề ra. Đồng thời, nhà trường xây dựng các giải pháp giám sát để thực hiện hiệu quả hơn [H1-1.1-04], [H1-1.1-05], [H1-1.1-06].

Mức 3:

Định kỳ hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV trong nhà trường. [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược phát triển Trường THCS Hành Tín Tây giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 đã chỉ rõ sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của nhà trường là xây dựng phát triển trường Trung học cơ sở Hành Tín Tây thành một trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương và đất nước.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn chưa nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của Hội CMHS và cộng đồng dân cư trên địa bàn. Lãnh đạo nhà trường chưa có các biện pháp quan tâm thỏa đáng nhằm thu hút sự quan tâm của nhân dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, trường trung học sơ sở Hành Tín Tây sẽ tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách chi tiết, cụ thể hơn, phù hợp với chủ trương đổi mới giáo dục của ngành, địa phương, trên cơ sở có sự tham gia đóng góp, thảo luận của CBQL, GV, NV, CMHS và cả cộng đồng dân cư của địa phương. Nhà trường sẽ

tăng cường các biện pháp để xây dựng nhà trường có kỷ cương nề nếp, uy tín, chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước và địa phương.

5. Tự đánh giá: **Đạt mức 2.**

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong giai đoạn 2015-2020, Hội đồng trường Trường THCS Hành Tín Tây được thành lập theo Quyết định số 194/QĐ-PGD&ĐT ngày 06/10/2015 của Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hành gồm 09 thành viên; Trong giai đoạn 2021-2026, Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành với 11 thành viên, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường Trung học; Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như Hội đồng tư vấn tâm lý và Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01], [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định [H1-1.2-04], [H1-1.2-05].

Định kì hằng năm, Hội đồng trường và các hội đồng khác tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động để rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch hoạt động nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, nâng cao hiệu quả trong các hoạt động [H1-1.2-06], [H1-1.2-07], [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường đều hoạt động có hiệu quả, giúp nhà trường thực hiện khá tốt chiến lược phát triển và nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.2-09], [H1-1.2-10].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động có hiệu quả, đúng chức năng và góp phần tích cực vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện công nhận tập thể Lao động tiên tiến và tặng giấy khen.

3. Điểm yếu

Hội đồng tư vấn tâm lý trong nhà trường gồm các giáo viên kiêm nhiệm, chưa có chuyên môn chuyên sâu về công tác tư vấn tâm lý nên tính hiệu quả của hoạt động tư vấn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tham mưu cho phòng GD&ĐT huyện và các cấp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng CB, GV về công tác tư vấn tâm lý học đường nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tư vấn trong trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Các tổ chức hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có các tổ chức gồm: Tổ chức Công đoàn; Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (do số lượng CB, GV, NV trong tuổi đoàn quá ít nên được sinh hoạt ghép với Đoàn xã Hành Tín Tây); Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-03].

Các tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục [H1-1.3-04], [H1-1.3-05].

Định kỳ hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường rà soát, đánh giá để rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch hoạt động nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục các tồn tại để nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động [H1-1.3-06], [H1-1.3-07].

Mức 2:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận, chi bộ Đảng trong nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 01 năm được Đảng ủy xã Hành Tín Tây tặng giấy khen [H1-1.3-08], [H1-1.3-09], [H1-1.3-10].

Các đoàn thể, tổ chức khác có nhiều đóng góp tích cực, có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-11].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-09], [H1-1.3-10].

Các đoàn thể và tổ chức khác có nhiều đóng góp tích cực, có hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn cơ sở, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức khác của nhà trường hoạt động theo quy định và luôn đạt được những thành tích cao trong nhiều năm, thực hiện tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức, điều hành các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên trong tuổi đoàn ít nên một số hoạt động của Đoàn TNCS còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường có kế hoạch phối hợp với xã Đoàn để giáo viên trong tuổi đoàn xung kích trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm từ năm 2021 theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm từ năm 2021 theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03], [H1-1.4-04].

Hằng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của nhà trường và của ngành, phù hợp với điều kiện thực tế của trường [H1-1.4-05], [H1-1.4-06].

Mức 2:

Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn trong nhà trường xây dựng và tổ chức báo cáo ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-07].

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kỳ đều kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ được giao và điều chỉnh để phù hợp với các hoạt động thực tế của nhà trường [H1-1.4-08].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng, tuy nhiên đóng góp chưa nhiều trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-08], **[H1-1.2-10].**

Các tổ chuyên môn tổ chức thao giảng, sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, chuyên đề, nghiên cứu bài học, tuy nhiên hiệu quả chưa cao [H1-1.4-08], **[H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong quản lý, từng bước làm cho bộ mặt nhà trường khang trang, sạch đẹp, chất lượng giáo dục được nâng lên.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên lớn tuổi còn ngại tiếp cận CNTT, cũng như việc đổi mới phương pháp dạy học. Nhất là trong thời kỳ chuyển đổi số trong ngành GD&ĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường động viên các giáo viên trẻ, có năng lực CNTT tích cực hỗ trợ cho các giáo viên lớn tuổi tiếp cận tốt CNTT, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trong đơn vị và trong ngành GD&ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm tự đánh giá, trường THCS Hành Tín Tây có đủ các lớp, từ lớp 6 đến lớp 9 của cấp học THCS. Năm học 2023-2024, nhà trường có 08 lớp với 213 học sinh, trong đó: Khối 6 có 2 lớp/52 học sinh, Khối 7 có 2 lớp/61 học sinh, Khối 8 có 2 lớp/47 học sinh và khối 9 có 2 lớp/53 học sinh [H1-1.5-01].

Lớp học trong nhà trường được tổ chức theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 16, Điều lệ trường trung học cơ sở. Cụ thể: Học sinh được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp có 01 lớp trưởng và 03 lớp phó (lớp phó học tập, lớp phó văn thể và lớp phó lao động) do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh, mỗi tổ học sinh có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. Trung bình mỗi lớp học có 26,6 học sinh/lớp [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các học sinh được đề cử để bầu chọn vào ban cán sự lớp, xây dựng nội quy của lớp [H1-1.5-03].

Mức 2:

Từ năm học 2018-2019 đến nay, nhà trường có số lớp không quá 08 lớp/năm học, không vượt quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học cơ sở. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định tại Điều lề trường trung học cơ sở, mỗi lớp không quá 45 học sinh [H1-1.5-04].

Mức 3 :

Năm học 2023-2024, trường THCS Hành Tín Tây có 08 lớp, mỗi lớp có không quá 40 học sinh (trung bình mỗi lớp có 26,6 em), đúng theo quy định Điều 15, Điều lệ trường trung học cơ sở [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp, khối lớp của cấp học. Lớp học được tổ chức đúng theo quy định Điều 15, Điều lệ trường trung học cơ sở. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ để phát huy năng lực của học sinh.

3. Điểm yếu

Kỹ năng giao tiếp và điều hành lớp học của lớp trưởng và các lớp phó của khối lớp 6 chưa tốt, chưa mạnh dạn trước tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường chỉ đạo các tổ chức đoàn thể phối hợp với GVCN giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, nhất là đối với ban cán sự lớp, giúp các em có khả năng giao tiếp, tự tin, biết tổ chức điều hành tập thể lớp. Phân công giáo viên Tổng phụ trách Đội, cùng GVCN các lớp thường xuyên có những buổi họp, sinh hoạt, trao đổi học tập cùng với ban cán sự các lớp, giới thiệu những ban cán sự quản lý tốt lớp học để các bạn tham khảo học tập, rút kinh nghiệm để giúp các em làm tốt nhiệm vụ của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện lưu trữ hồ sơ về quản lý tài chính, tài sản và các hồ sơ sổ sách khác đúng theo quy định. Các hồ sơ sổ sách hành chính được lưu trữ tại văn phòng, quản lý tài chính và tài sản tại bộ phận kế toán, các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính [H1-1.6-01].

Hằng năm, nhà trường lập dự toán chi tiêu từ ngân sách nhà nước cấp và được cấp trên phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước. Nhà trường có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng; hằng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Việc công khai tài chính được thực hiện hằng năm để CB, GV, NV biết và tham gia giám sát, kiểm tra; định kỳ hằng quý thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của nhà trường đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ cho hoạt động dạy và học [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường luôn đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường một cách hiệu quả [H1-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho trường **[H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có lập dự toán, báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, có thực hiện công khai tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Vì thế, trong các năm học qua, nhà trường không có vi phạm để dẫn đến khiếu nại, tố cáo xảy ra. Nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Đồng thời, sử dụng một cách hiệu quả các phần mềm để quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương nhằm hỗ trợ cho hoạt động dạy và học của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tạo nguồn tài chính hợp pháp, tăng cường trang thiết bị dạy học hiện đại hỗ trợ cho hoạt động dạy và học trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV nhằm tạo điều kiện phát huy vai trò, trách nhiệm, năng lực, sở trường của CBQL, GV, NV trong việc nâng cao hiệu quả làm việc, chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-01].

Căn cứ vào nhiệm vụ năm học, tình hình thực tế của trường, nhà trường phân công nhiệm vụ, phân công chuyên môn, phân công công tác kiêm nhiệm cho GV và NV rõ ràng, hợp lý, phù hợp với khả năng, năng lực từng người, đảm bảo hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

Các quyền của CBQL, GV, NV trong nhà trường được đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác. CBQL, GV và NV trong nhà trường được tham gia góp ý, bổ sung các phương hướng, kế hoạch, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. CB, GV và NV của trường được nhận chế độ lương và các phụ cấp khác đúng quy định của pháp luật [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường đề ra các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, được thể hiện qua việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CBQL, GV, NV, phù hợp với trình độ chuyên môn, sở trường công tác, tạo điều kiện thuận lợi để GV, NV phát huy năng lực của mình [H1-1.7-01], **[H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV được nhà trường quan tâm cho nên việc phân công, sử dụng đội ngũ hợp lí, hiệu quả và thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 29, Điều lệ trường trung học. Đồng thời, nhà trường xây dựng được các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhân viên y tế cho nên việc khám sức khỏe ban đầu và việc theo dõi sức khỏe của học sinh còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường tham mưu với Phòng GD&ĐT, UBND huyện Nghĩa Hành bổ sung nhân viên y tế nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác khám và theo dõi sức khỏe cho học sinh được đầy đủ và thường xuyên hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành và bám sát các nội dung nhiệm vụ từng năm học theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Nghĩa Hành và thực tế địa phương cũng như điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục; Kế hoạch giáo dục của nhà trường được phổ biến đến CBQL, GV, NV trong nhà trường để lấy ý kiến đóng góp, được triển khai đến các tổ chức, đoàn thể, CBQL, GV, NV biết, làm căn cứ thực hiện [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], **[H1-1.1-05], [H1-1.2-07].**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Ban lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn, từng giáo viên kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, phù

hợp với mục tiêu nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường theo tháng, học kỳ và năm học **[H1-1.1-07], [H1-1.2-10].**

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Đồng thời, nhà trường đã thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2017 của Bộ GD&ĐT **[H1-1.1-07], [H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, có tính khả thi, sát với điều kiện của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường; Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và chất lượng trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Học sinh là người đồng bào dân tộc H’re chiếm tỷ lệ cao nên phần nào cũng đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường phân công các giáo viên trẻ, nhiệt tình, làm tốt công tác dạy bổ sung kiến thức cho học sinh đồng bào dân tộc, góp phần nâng cao chất lượng đại trà tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt Quy chế dân chủ theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập. Hằng năm, nhà trường đều tổ chức Hội nghị viên chức đầu năm, công khai quy chế dân chủ trong các hoạt động, các buổi họp để CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường **[H1-1.1-05],** [H1-1.9-01].

Tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của CB, GV, NV và CMHS [H1-1.9-02].

Hằng năm, nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị [H1-1.9-03].

Mức 2:

Căn cứ Thông tư số 11/2020/BGDĐT, hằng năm, Ban thanh tra nhân dân của trường thực hiện các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ theo đúng quy định. Nhà trường công khai về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, công tác thu chi tài chính, chế độ làm việc… bằng hình thức niêm yết tại văn phòng của trường và được phổ biến trong cuộc họp hội đồng. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.9-03], **[H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Các quy định của cấp trên và địa phương được nhà trường triển khai kịp thời, nghiêm túc, đúng quy định. CB, GV, NV trong nhà trường chấp hành đúng các nội quy, quy chế đề ra. Quy chế dân chủ trong đơn vị được triển khai, thực hiện một cách nghiêm túc, mọi hoạt động của nhà trường đều được bàn bạc và công khai, tạo sự đồng thuận, đoàn kết cao, trong nhà trường, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên trẻ tuổi chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế của nhà trường, chưa phát huy được hết sức mạnh trí tuệ tập thể dẫn đến phong trào thi đua đạt kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường, các tổ chức trong nhà trường tạo mọi điều kiện khuyến khích, động viên đội ngũ CB, GV, NV tích cực phát biểu và tham gia đóng góp ý kiến, hiến kế cho nhà trường trong các cuộc họp, giúp nhà trường điều chỉnh, bổ sung các văn bản kịp thời, sát thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất, chính đáng cho mọi

người, góp phần tăng cường, phát huy đoàn kết nội bộ, xây dựng nhà trường phát triển, tiến bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01].

Nhà trường có hộp thư góp ý và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường [H1-1.10-02] (Quan sát thực tế).

Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-03].

Mức 2:

CBQL, GV, NV và HS của nhà trường được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-01].

Trong những năm qua, nhà trường thường xuyên phối hợp với công an huyện Nghĩa Hành và công an xã Hành Tín Tây tuyên truyền về bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời [H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn đảm bảo tốt về an ninh trường học, công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, không có giáo viên và học sinh vi phạm pháp luật, không vi phạm về giới, không xảy ra bạo lực học đường, không vi phạm các tệ nạn xã hội, không có hiện tượng cháy nổ xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác tuyên truyền về phòng, chống cháy nổ cho học sinh toàn trường được thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền về phòng, chống cháy nổ cho học sinh toàn trường, đảm bảo không để xảy ra cháy nổ trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Để phát triển nhà trường đến năm 2030, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng được phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn 2030, sát và phù hợp với mục tiêu giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường luôn làm tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường tham gia chỉ đạo, đóng góp tích cực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường. Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn, Liên đội TNTP đều đạt vững mạnh và vững mạnh xuất sắc.

Nhà trường đảm bảo cơ cấu bộ máy theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ cấu tổ chức lớp, học sinh đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và đáp ứng được yêu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong nhà trường được lưu trữ hàng năm theo quy định; việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản được thực hiện nghiêm túc; công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phân công, sử dụng đội ngũ CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, có kế hoạch đầy đủ.

Nhà trường xây dựng, triển khai, thực hiện tốt kế hoạch giáo dục đề ra, phù hợp với mục tiêu giáo dục và sát với thực tế địa phương. Trong thực hiện các kế hoạch, nhà trường có tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm thực hiện nghiêm túc; quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả; an ninh trật tự, an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường được đảm bảo.

Tuy nhiên, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn chưa nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của Hội CMHS và cộng đồng dân cư trên địa bàn. Lãnh đạo nhà trường chưa có các biện pháp quan tâm thỏa đáng nhằm thu hút sự quan tâm của nhân dân.

- Tổng số tiêu chí: 10.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 10/10; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 10/10; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 2/5; Tỷ lệ đạt: 40%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0.

- **Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2**

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu

Hoạt động dạy và học là hoạt động chính trị, cốt lõi của nhà trường. Muốn ổn định, phát triển nhà trường đòi hỏi phải có đội ngũ CBQL và GV thật sự tâm huyết với nghề, hết lòng vì học sinh thân yêu. Để có được điều này, nhà trường cần phải ổn định về mặt nhân sự, tổ chức, đặc biệt là đội ngũ CBQL. Vì vậy, việc quy hoạch và bổ nhiệm nhân sự CBQL nhà trường, bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT, là một trong những vấn đề quan trọng bắt buộc và tạo điều kiện tốt để nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục được giao.

Trường THCS Hành Tín Tây thực hiện cơ cấu tổ chức trong nhà trường về CB, GV và HS theo Điều lệ trường trung học cơ sở. Nhà trường có đầy đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ

GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục, khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên của Trường THCS Hành Tín Tây đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ CBQL, các tổ trưởng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường là những đảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có năng lực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao và tinh thần trách nhiệm, tận tụy, nhiệt tình với công việc. Đội ngũ giáo viên và nhân viên nhà trường đảm bảo yêu cầu quy định về số lượng và chất lượng, được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên. Tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đều nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn trong công tác và trong cuộc sống. Trong những năm qua, nhà trường không có CB, GV, NV vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức nhà giáo, cũng như không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; 100% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% giáo viên của trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

CBQL, GV, NV và HS của nhà trường đã có nhiều cố gắng, nổ lực phấn đấu vươn lên, đạt các tiêu chuẩn cần thiết theo quy định trong Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT. Đây là nhân tố cơ bản, quyết định chất lượng giáo dục, thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường đã có đầy đủ bằng cấp về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; đạt các yêu cầu theo Quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở; đã tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo văn bản triệu tập của ngành; Phó Hiệu trưởng nhà trường đã có đầy đủ bằng cấp về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; đạt các yêu cầu theo Quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở; đã tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo văn bản triệu tập của ngành [H2-2.1-01], [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng mức Tốt trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng hằng năm; Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng mức Tốt trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng hằng năm [H2-2.1-03], [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-05].

Mức 2:

Liên tiếp từ năm 2018 cho đến nay, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-03], [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng tập huấn về lý luận chính trị theo quy định và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-05].

Mức 3:

Liên tiếp từ năm 2018 cho đến nay, Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt trở lên, trong đó một năm đạt mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của nhà trường có số năm công tác giảng dạy gần 20 năm, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, chính trị, nghiệp vụ quản lí giáo dục; có năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức tốt, được tập thể giáo viên, nhân viên và nhân dân tín nhiệm, hằng năm đều được đánh giá đạt chuẩn và xếp loại tốt, đánh giá viên chức đều xếp loại xuất sắc; đã tham dự các lớp bồi dưỡng

về chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lí giáo dục và đã được các cơ quan có thẩm quyền công nhận, cấp chứng chỉ hoàn thành theo quy định.

Hiệu trưởng nhà trường có năng lực trong công tác, được tập thể giáo viên và nhân viên nhà trường đánh giá tốt; có tầm nhìn chiến lược, quyết đoán trong công việc; luôn được phụ huynh tin tưởng, học sinh kính mến. Phó Hiệu trưởng nhà trường có năng lực và nhiệt tình trong công tác, có trình độ chuyên môn tốt, được sự tín nhiệm của giáo viên, học sinh và CMHS.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng của nhà trường mới được bổ nhiệm làm công tác quản lý từ ngày 31/8/2021 nên kinh nghiệm trong công tác quản lý chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như để giao lưu, học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. **[H1-1.7-02]**

Nhà trường có 17/17 giáo viên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD-ĐT và đang thực hiện việc nâng chuẩn trình độ theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trình chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn được duy trì và tiếp tục tăng theo lộ trình nâng chuẩn của trường. [H2-2.2-01]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% giáo viên của trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-02].

Giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03], [H2-2.2-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có giáo viên nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên của nhà trường đều đạt chuẩn về chuyên môn đào tạo, được đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên. Tập thể giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, đều có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng trong giảng dạy, không có giáo viên vi phạm, bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên tham gia viết báo cáo nghiên cứu khoa học, một số giáo viên chưa đạt trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bắt đầu từ năm học 2023-2024, nhà trường sẽ lập kế hoạch vận động, tạo điều kiện cho giáo viên tiếp tục nâng chuẩn theo Nghị định 71 và khuyến khích giáo viên tham gia viết báo cáo nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư, 01 nhân viên thư viện và 01 GV kiêm nhiệm nhân viên y tế hỗ trợ nhiệm vụ giáo dục nhà trường [H2-2.3-01].

Nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người **[H1-1.7-02].**

Nhân viên nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02].

Mức 2:

Tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có số lượng cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định hiện hành [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhân viên kế toán - văn thư của trường có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán, phù hợp với vị trí việc làm hiện tại. Nhân viên thư viện có trình độ Đại học chuyên ngành ngữ văn, có chứng chỉ nghiệp vụ thư viện, đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Cơ bản nhà trường có đủ nhân viên đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Công tác y tế học đường do nhà trường phối hợp với trạm y tế xã Hành Tín Tây thực hiện nên phần nào còn hạn chế trong công việc khám sức khỏe ban đầu và theo dõi sức khỏe cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường tham mưu với các cấp thẩm quyền bổ sung nhân viên y tế cho nhà trường nhằm thực hiện tốt công tác khám sức khỏe ban đầu và theo dõi sức khỏe cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh của trường đảm bảo theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học **[H1-1.5-01], [H1-1.5-04].**

Học sinh của trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

Học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác (như Luật trẻ em) **[H1-1.2-10].**

Mức 2:

Trong 05 năm qua, nhà trường không có học sinh vi phạm các kỷ luật và hành vi không đúng với nội quy, quy định của học sinh **[H1-1.5-04], [H1-1.2-10].**

Mức 3:

Nhà trường có học sinh đạt thành tích trong học tập, rèn luyện như đạt giải trong các hội thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh và các hội thi về KHKT, nghệ thuật, TDTT…tuy nhiên số lượng đạt giải còn ít [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quyền của học sinh theo quy định, học sinh nghèo, cận nghèo, khó khăn, học sinh đối tượng chính sách, học sinh có thành tích được hỗ trợ, khen thưởng kịp thời. Công tác tuyển sinh đầu cấp của nhà trường đều đạt chỉ tiêu tuyển sinh của UBND huyện giao hằng năm.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh của nhà trường đạt giải trong các kỳ thi, hội thi do các cấp tổ chức còn quá ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn bồi dưỡng nâng cao cho đội tuyển học sinh giỏi nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Cán bộ quản lý nhà trường đều đạt chuẩn theo quy định, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn kết, trách nhiệm.

Cán bộ quản lý được đánh giá từ mức tốt trở lên.

100% đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo, được phân công đúng theo chuyên môn đào tạo.

100% giáo viên của trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, trong đó có 80% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên.

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, được phân công phù hợp theo năng lực, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Học sinh của trường đảm bảo về độ tuổi, tích cực học tập và rèn luyện và được đảm bảo các quyền theo quy định, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp nên có chuyển biến tích cực trong học tập, rèn luyện, góp phần tích cực đến các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường. Tuy nhiên, số lượng học sinh của nhà trường đạt giải trong các kỳ thi, hội thi do các cấp tổ chức còn quá ít.

- Tổng số tiêu chí: 04.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 04/04; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 04/04; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3:0/04; Tỷ lệ đạt: 0%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0

Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu

Trường THCS Hành Tín Tây tọa lạc tại thôn Đồng Miếu, xã Hành Tín Tây, có khuôn viên riêng biệt, cổng trường khang trang, hàng rào, sân chơi, bãi tập phù hợp với quy định và điều kiện địa phương. Khuôn viên trường rộng rãi với diện tích là 3.607m^2; Khu sân chơi, bãi tập với diện tích trên 450m^2, bình quân cho mỗi học sinh 2,1 m^2 (450 m^2/213 HS); trường có đầy đủ khối phòng hành chính – quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi thể dục thể thao, hạ tầng kĩ thuật nhà trường đảm bảo yêu cầu "Sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn", phục vụ tốt cho công tác dạy và học, góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm tự đánh giá, khuôn viên của nhà trường có diện tích 3.607m^2, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, phù hợp cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Khuôn viên nhà trường được xây dựng tường rào bao quanh, có cổng trường và biển tên trường đẹp [H3-3.1-02], [H3-3.1-03].

Sân chơi, bãi tập có đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03] (Quan sát thực tế).

Mức 2:

Trường có khu sân chơi, bãi tập diện tích 450m^2 đáp ứng yêu cầu tối thiểu để tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài trời [H3-3.1-03] (Quan sát thực tế).

Mức 3:

Trường có diện tích đủ khoảng 17m^2/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập đảm bảo đủ diện tích [H3-3.1-03] (Quan sát thực tế).

2. Điểm mạnh

Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có vị trí riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự. Sân trường được trồng cây xanh, cây cảnh, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường. Trường có tường rào bao quanh, có cổng trường và biển tên trường khang trang. Trường có lắp đặt hệ thống camera nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho học sinh và bảo vệ tốt tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng cây xanh được trồng trong khu vực sân trường chưa nhiều, cây còn nhỏ, chưa đủ bóng mát để các em vui chơi và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp tục chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường, phối hợp Ban đại diện CMHS trồng thêm cây xanh và hoa để cải thiện khuôn viên trường học, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm qua, được sự đầu tư quan tâm của các cấp, của PGD&ĐT Nghĩa Hành nên cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đảm bảo. Hiện nay, trường có 08 phòng học, mỗi phòng học có 16 bộ bàn ghế, đảm bảo đủ số lượng và tương đối phù hợp với tầm vóc của học sinh. Mỗi phòng học có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 bảng từ, có hệ thống ánh sáng, hệ thống quạt đảm bảo đủ cho các hoạt động giáo dục; mỗi phòng học được trang bị 01 tivi hoặc 01 máy chiếu để phục vụ công tác dạy và học của nhà trường **[H1-1.6-01], [H3-3.1-02],** [H3-3.2-01], [H3-3.2-04] (Quan sát thực tế).

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn như: phòng thực hành KHTN, phòng KHXH, phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật; phòng Công nghệ, phòng Ngoại ngữ [H3-3.2-02], [H3-3.2-04] (Quan sát thực tế).

Nhà trường có 01 phòng dành riêng hoạt động Đội TNTP với diện tích khoảng 15m^2, 01 phòng thư viện với diện tích khoảng 60m^2 và 01 phòng truyền thống với diện tích hơn 48m^2 [H3-3.2-03], [H3-3.2-04] (Quan sát thực tế).

Mức 2:

Trường có phòng học, phòng bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, đảm bảo điều kiện cho đối tượng học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-02].

Khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn có các thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu, tuy nhiên thiết bị dạy học được cấp rất nhiều năm đến nay đã xuống cấp và một số đồ dùng dạy học thí nghiệm không đảm bảo [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường THCS Hành Tín Tây được đầu tư xây dựng, sửa chữa, có đủ số phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa nắng, ấm áp và đủ ánh sáng về mùa mưa, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Thiết bị đồ dùng ở các phòng bộ môn trong nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu dạy học theo chương trình GDPT 2018.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo phụ trách thiết bị tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì định kỳ cơ sở vật chất trong nhà trường nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động học tập, giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính – quản trị của nhà trường đảm bảo yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động của nhà trường. Khu hành chính bao gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Văn phòng, 01 họp Hội đồng và 01 phòng Đội -y tế và 02 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, 01 phòng Tư vấn tâm lí, 01 phòng Công đoàn **[H1-1.6-01], [H3-3.1-02],** [H3-3.3-01].

Toàn trường có 02 khu để xe, trong đó 01 nhà để xe cho giáo viên, 01 nhà để xe cho học sinh; các khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, mỹ quan **[H1-1.6-01], [H3-3.1-02],** [H3-3.3-02], [H3-3.3-03] (Quan sát thực tế).

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch tu sửa, bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị **[H1-1.6-01],** [H3-3.3-04].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định [H3-3.3-03] (Quan sát thực tế).

Mức 3:

Thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường trong khối hành chính - quản trị được trang bị nhưng chưa đầy đủ để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Phòng làm việc, phòng chức năng trong khối hành chính – quản trị của nhà trường được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo cảnh quan khuôn viên nhà trường khang trang. Thiết bị văn phòng tương đối đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu

Thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động tại khối hành chính – quản trị của nhà trường còn thiếu máy photocopy, máy Scan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường xây dựng kế hoạch xin kinh phí cấp trên và bố trí nguồn ngân sách thường xuyên để bổ sung các thiết bị hỗ trợ cho khối

hành chính – quản trị, đảm bảo các điều kiện để phục vụ tốt công tác dạy và học, quản trị trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh; đảm bảo không ô nhiễm môi trường **[H3-3.1-02],** [H3-3.4-01].

Hệ thống thoát nước trong nhà trường đảm bảo vệ sinh môi trường; nhà trường có hợp đồng với doanh nghiệp để cung cấp nước sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho CB, GV, NV và HS [H3-3.4-02].

Học sinh của trường thực hiện lao động dọn vệ sinh hằng tuần, có thùng đựng và phân loại rác được bố trí hợp lý trong sân trường. Nhà trường phối hợp với công ty môi trường thu gom rác thải vào sáng thứ sáu hàng tuần, đảm bảo tốt khâu vệ sinh môi trường trong nhà trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

Khu vệ sinh của nhà trường được xây dựng đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và đúng quy định [H3-3.4-04] (Quan sát thực tế).

Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [H3-3.4-04] (Quan sát thực tế).

2. Điểm mạnh

Các công trình vệ sinh của nhà trường được bố trí hợp lí, không ảnh hưởng đến cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và HS. Khu vực vệ sinh được xây dựng riêng biệt cho nam và nữ, CBQL, GV, NV và HS. Trường có hợp đồng với công ty cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và HS; Trường có hệ thống thoát nước, thu gom rác thải đạt yêu cầu.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một vài em học sinh trong nhà trường có ý thức về việc giữ gìn vệ sinh chung chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các bộ phận liên quan thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho HS trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị tối thiểu phục vụ cho công tác văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động giáo dục **[H1-1.6-01].**

Thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường đảm bảo phục vụ tối thiểu cho

nhu cầu dạy và học; các thiết bị dạy học được bố trí và sắp xếp ở phòng tổ hoặc tại phòng học bộ môn, thuận tiện cho giáo viên trong việc sử dụng khi lên lớp [H3-3.5-01], [H3-3.5-02].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch chỉ đạo các tổ bộ môn kiểm kê, rà soát về số lượng và chất lượng nhằm đánh giá công tác quản lý đồ dùng dạy học cũng như chất lượng các thiết bị được cấp, đồng thời đề xuất phương án sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Qua kiểm kê, nhà trường tiến hành mua bổ sung các thiết bị, đồ dùng hư hỏng **[H1-1.6-05],** [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet, đảm bảo đủ phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định **[H1-1.6-01],**[H3-3.5-02].

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị dạy học [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến dụng cụ, thiết bị dạy học, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; các thiết bị dạy học được trang bị đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và học tập. Hằng năm, nhà trường kịp thời mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học cũng như nghiên cứu khoa học của CB, GV, NV và HS.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị dạy học của trường được cấp đã lâu, có dấu hiệu xuống cấp hoặc không còn chính xác nên trong quá trình sử dụng có nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường xây dựng kế hoạch xin kinh phí mua sắm thiết bị dạy học mới, thay thế cho các thiết bị cũ nhằm đáp ứng chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến thời điểm hiện tại, thư viện nhà trường được đầu tư xây dựng kiên cố, được trang bị đầy đủ các tài liệu, sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa…phục vụ cho hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường **[H1-1.6-01],** [H3-3.6-01].

Thư viện nhà trường phối hợp với các bộ phận trong nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giới thiệu sách theo chủ đề tháng, kể chuyện về Bác Hồ hằng tuần và hỗ trợ tốt cho các hoạt động chuyên môn cũng như tuyên truyền pháp luật, tổ chức ngày hội đọc sách theo từng năm học [H3-3.6-02].

Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo cho thư viên từ nguồn kinh phí ngân sách [H3-3.6-03].

Mức 2:

Thư viện trường đạt thư viện chuẩn trở lên theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 [H3-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến.

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường có vị trí không gian thoáng mát, rộng rãi, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh nhà trường. Hằng năm, nhà trường có bổ sung sách, tài liệu tham khảo cho thư viện; Thư viện có kế hoạch hoạt động cụ thể hàng tháng trong năm học, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc mượn và đọc sách, báo hàng ngày. Hằng năm, nhà trường có tiến hành kiểm kê thư viện theo quy định. Thư viện trường được công nhận là mô hình tiêu biểu được cấp thẩm quyền công nhận.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí của trường ít nên việc bổ sung sách, báo hàng năm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường huy động nguồn sách trong giáo viên và học sinh, đồng thời mua thêm để bổ sung nguồn sách cho thư viện. Nhà trường xây dựng kế hoạch xin kinh phí mua bổ sung sách giáo khoa phục vụ cho chương trình GDPT 2018, đảm bảo đủ các nguồn tài liệu tham khảo, sách giáo khoa…phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

5. Tự đánh giá : Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có khuôn viên xanh sạch đẹp, an toàn, khu sân chơi, bãi tập đủ diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục; phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập được xây dựng đạt chuẩn, có đủ thiết bị dạy học; khối hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu, có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường; có khu để xe cho giáo viên và học sinh hợp lý, an toàn trật tự; khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo quy định, rất thuận tiện và được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường; phòng bộ môn có đầy đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; thư viện của nhà trường đạt chuẩn theo quy định. Tuy nhiên, có một số thiết bị dạy học quá cũ và còn thiếu.

- *Tổng số tiêu chí: 06.*
    - *+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 06/06; Tỷ lệ đạt: 100%.*
    - *+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 06/06; Tỷ lệ đạt: 100%.*
    - *+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 02/06; Tỷ lệ đạt: 33,3%.*
    - *+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0*
- **Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2**

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu

Nhận thức được tầm quan trọng của mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh, trong những năm qua, trường THCS Hành Tín Tây đã xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Hằng năm, nhà trường đã phối hợp tốt với Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS do BGD-ĐT ban hành. Đồng thời, nhà trường cũng đã phối hợp tốt với các tổ chức trong và

ngoài nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, cũng như đầu tư cơ sở vật chất ngày một khang trang, đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; tạo điều kiện để tất cả các em học sinh được học tập, vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao phù hợp với lứa tuổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Đó là những yếu tố quan trọng đưa thành tích chung của trường ngày càng phát triển.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS của trường THCS Hành Tín Tây được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tiến hành họp CMHS để triển khai kế hoạch năm học của nhà trường và bầu ra ban đại diện CMHS các lớp. Sau đó, nhà trường tổ chức Đại hội CMHS của trường để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội trong năm học qua, đề ra phương hướng hoạt động năm học mới và bầu Ban Đại diện CMHS trường [H4-4.1-01].

Ban đại diện CMHS của nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, cụ thể theo năm học dựa trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, tình hình thực tiễn của địa phương [H4-4.1-02].

Các kế hoạch do Ban đại diện CMHS của trường xây dựng được thực hiện đúng tiến độ đề ra. Mỗi năm học, ban đại diện CMHS trường và các lớp thực hiện họp định kỳ theo đúng quy định Điều lệ 03 lần/năm, họp thường kỳ và

họp đột xuất khi cần hỗ trợ mục tiêu giáo dục của đơn vị, để trao đổi việc học tập của học sinh [H4-4.1-03].

Mức 2:

Trong những năm qua, ban đại diện CMHS thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cũng như việc huy động học sinh đến trường, ngăn chặn học sinh có nguy cơ bỏ học. Nhà trường phối hợp với ban đại diện CMHS tổ chức báo cáo tổng kết hàng năm học, từ đó rút ra kinh nghiệm để tiếp tục nâng cao hiệu quả công việc [H4-4.1-04], [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS của lớp, của trường phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS, tuy nhiên hiệu quả chưa cao [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường làm việc có kế hoạch rõ ràng, cụ thể, nhiệt tình, trách nhiệm, quan tâm đến con em học sinh tại địa phương, hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục như quan tâm và giáo dục học sinh, rèn kỹ năng sống, năng lực của các em. Trong quá trình hoạt động, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa vạch ra phương hướng, tạo sự chủ động phối hợp tốt với nhà trường. Công tác huy động các nguồn lực xã hội đã giúp nhà trường đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị ngày càng hiệu quả hơn.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh học sinh của trường chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc giáo dục học sinh hoặc ít tham gia các hoạt động của Hội CMHS trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Ban đại diện CMHS thường xuyên liên lạc và phối hợp với nhà trường, GVCN để nắm bắt tình hình học tập của học sinh và uốn nắn kịp thời những học sinh vi phạm của HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a)Tham mưu cấp ủy đảng, Chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược, xây dựng và phát triển;

b)Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục, thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử cách mạng, công trình văn hoá; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm tự đánh giá, lãnh đạo trường THCS Hành Tín Tây thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường **[H1-1.8-01].**

Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường **[H1-1.8-01].**

Trong những năm qua, nhà trường đã phát huy nội lực, tiếp nhận cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từ cấp trên. Huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục, các nhà hảo tâm hỗ trợ, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và các hoạt động giáo dục [H4-4.2-01].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển lâu dài **[H1-1.1-01].**

Nhà trường phối hợp với Công an huyện Nghĩa Hành và công an xã Hành Tín Tây tổ chức tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc Luật Giao thông đường bộ,

phòng, chống các tệ nạn xã hội. Tham gia tổ chức dọn vệ sinh, viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 27/7 hàng năm, chăm sóc nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tuy nhiên tình hình thực tế còn có nhiều khó khăn chưa đáp ứng theo yêu cầu quy định **[H1-1.8-01].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền nhiều vấn đề liên quan đến giáo dục học sinh, công tác tuyên truyền được tổ chức dưới nhiều hình thức và nội dung khá phong phú, đa dạng, về mọi vấn đề cần thiết cho sự phát triển của nhà trường, ngành giáo dục, văn hóa xã hội. Nhờ làm tốt công tác tham mưu, phối hợp mà nhà trường đã huy động được sự đóng góp tự nguyện từ các nguồn lực xã hội hóa. Sử dụng tốt hiệu quả các nguồn lực đã huy động trong công tác xã hội hóa phù hợp, hợp pháp vào phục vụ cho việc học tập, rèn luyện của học sinh, không để học sinh khó khăn, thiếu thốn về vật chất mà phải bỏ học. Công tác phối hợp giáo dục học sinh, tạo điều kiện để các em học tập, rèn luyện, phấn đấu đạt kết quả tốt.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương về kế hoạch và các giải pháp phát triển nhà trường, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể và nhân dân địa phương xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, chủ động tìm nguồn vốn một cách hợp pháp để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, quan tâm công tác khuyến học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trường THCS Hành Tín Tây đã thành lập Ban đại diện CMHS và đã đi vào hoạt động ngay từ đầu mỗi năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn

theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS, đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, đã tranh thủ được sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương về các hoạt động của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân ở trong và ngoài tỉnh, góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người ở địa phương.

Tuy nhiên, một số CMHS phải đi làm ăn xa nên công tác phối hợp giáo dục con em còn hạn chế.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn là yếu tố tích cực giúp sự nghiệp phát triển nhà trường ổn định, bền vững và phát triển.

- Tổng số tiêu chí: 02.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 02/02; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 02/02; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 0/02; Tỷ lệ đạt: 0%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0

- **Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2**

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Mở đầu

Thực hiện các hoạt động giáo dục là nhiệm vụ chính trị, cơ bản và trọng tâm của nhà trường. Đồng thời, việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh là mục tiêu lớn nhất của nhà trường. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông hằng năm được nhà trường thực hiện tốt trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của từng biện pháp, giải pháp về tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học; nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trong triển khai tổ chức thực hiện chương trình, nhà trường thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương theo quy định và luôn gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn cuộc sống.

Nhà trường thường xuyên triển khai các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS; quan tâm giáo dục phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. Một số học sinh bước đầu đã có khả năng tự nghiên cứu khoa học theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên. Kết quả học lực, hạnh kiểm và tỉ

lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp THCS đạt mục tiêu kế hoạch đề ra và được cải thiện.

Tiêu chí 5.1 : Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã tổ chức dạy học đúng chương trình, đủ các môn học theo quy định và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục **[H1-1.8-01], [H1-1.8-02],** [H5-5.1-01], [H5-5.1-02].

Nhà trường đã chỉ đạo, hướng dẫn tất cả giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-03].

Tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng thông qua quá trình giảng dạy và các đợt kiểm tra định kì, đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả [H5-5.1-04].

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-02], [H5-5.1-03].

Nhà trường xây dựng kế hoạch và phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có chỉ đạo rà soát, phân tích, đánh giá sự tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường nhưng kết quả chưa có tính bền vững **[H1-1.2-10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục và có nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học; chỉ đạo vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. Tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan, hiệu quả, phân loại đúng năng lực học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh dân tộc của nhà trường chiếm tỷ lệ cao nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đại trà của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn nâng cao trách nhiệm, phát hiện, hướng dẫn, động viên, định hướng phát huy năng khiếu, sở trường của học sinh; đồng thời xây dựng kế hoạch, phân công, lựa chọn giáo viên có năng lực, kinh nghiệm, trách nhiệm động viên, giúp đỡ các học sinh gặp khó khăn trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Hành Tín Tây được đóng trên địa bàn xã Hành Tín Tây, người dân ở địa phương chủ yếu sinh sống dựa vào nông nghiệp, số học sinh của trường thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và gia đình khó khăn nhiều. Do đó, đầu mỗi năm học nhà trường lập danh sách và xây dựng kế hoạch hỗ trợ tạo điều kiện để các em yên tâm đến trường, tự tin học tập. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện một cách cụ thể [H5-5.2-01].

Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện có hiệu quả [H5-5.2-01], [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các bộ phận trong đơn vị rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên các học sinh có năng khiếu, giúp đỡ các học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-04].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đã đề ra [H5-5.2-04].

Mức 3:

Hằng năm, học sinh của nhà trường tham gia các hội thi văn hoá, thể dục, thể thao đạt thành tích được cấp trên công nhận, tuy nhiên số lượng còn rất ít **[H2-2.4-02].**

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường luôn quan tâm đến hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Giáo viên luôn quan tâm, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện tốt để học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt hơn. Các giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh năng khiếu luôn nhiệt tình, có trách nhiệm, tâm huyết hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi. Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Do đó, hằng năm nhà trường đều có học sinh đạt thành tích được cấp trên công nhận, tuy nhiên số lượng còn rất ít.

3. Điểm yếu

Điều kiện gia đình học sinh còn khó khăn, học sinh người đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ cao nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giáo dục đại trà.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường tiếp tục động viên, khuyến khích các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh đồng bào dân tộc tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục của nhà trường, hoàn thành các nhiệm vụ học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch [H5-5.3-01], [H5-5.3-02], [H5-5.3-03].

Nhà trường triển khai các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.3-04].

Hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương **[H1-1.2-10]**.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương được triển khai tại trường đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-04], **[H1-1.2-10]**.

2. Điểm mạnh

Trong các năm học qua, nhà trường phân công giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. Qua đó, giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu đối với quê hương, đất nước cho học sinh. Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức các hoạt động giáo dục địa phương thông qua nội dung chương trình giáo dục địa phương quy định, giáo dục lồng ghép, tích hợp trong dạy học, phù hợp với lứa tuổi học sinh và điều kiện của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường tổ chức các hoạt động chưa đáp ứng phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương đảm bảo nhiều học sinh được tham gia theo nhu cầu, năng lực của bản thân, góp phần phát triển năng lực, sở trường của các em.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện nhà trường [H5-5.4-01].

Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch đã xây dựng. Phối hợp với các trường trung cấp nghề trên địa bàn tỉnh để định hướng nghề nghiệp cho học sinh lớp 9, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

Hiệu trưởng nhà trường có phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H5-5.4-03].

Mức 2:

Nhà trường tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với học sinh thông qua các hoạt động Câu lạc bộ Tiếng Anh, hội trại 26/3 và các hoạt động của thiếu nhi [H5-5.4-04].

Hằng năm, nhà trường tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm [H5-5.4-05], [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Phối hợp với trường trung cấp nghề để định hướng nghề nghiệp cho học sinh, xác định được việc học tập chương trình phổ thông hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí cho hoạt động trải nghiệm còn ít do nhà trường chưa làm tốt công tác xã hội hóa để tạo nguồn, nguồn chi từ hoạt động thường xuyên của trường cho hoạt động này chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ các tổ chức xã hội, các nhà tài trợ, sự phối hợp của CMHS; đồng thời lãnh đạo nhà trường xem xét tăng thêm kinh phí hoạt động thường xuyên của trường cho công tác trải nghiệm, hướng nghiệp, tạo

nhiều cơ hội để các em tham gia vào hoạt động trải nghiệm thực tế nhiều hơn, với các hình thức phong phú và đa dạng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5 : Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động định hướng giáo dục học sinh, hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương **[H1-1.8-01]**.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua hoạt động NGLL nhằm rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh, kết quả có chuyển biến tích cực [H5-5.5-01].

Việc triển khai các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh của nhà trường thông qua hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, từ đó đã giúp học sinh nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật, phát huy truyền thống văn hóa địa phương, dân tộc [H5-5.5-02].

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo cho giáo viên hướng dẫn học sinh tự biết đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo Thông tư 58/2011, Thông tư 26/2020 và Thông tư

22/2021; Tỉ lệ học sinh xếp loại về học lực và hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao [H5-5.5-03].

Học sinh của trường biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn trong cuộc sống [H5-5.5-04].

Mức 3:

Qua hướng dẫn của giáo viên, bước đầu, học sinh biết xây dựng, trình bày ý tưởng, có khả năng thực hiện ý tưởng, nghiên cứu khoa học, công nghệ để tạo ra sản phẩm. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao **[H1-1.2-10].**

2. Điểm mạnh

Xây dựng đầy đủ các kế hoạch định hướng giáo dục phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương; Tổ chức các hoạt động TDTT, văn nghệ, ngoại khóa,.... Tỉ lệ học sinh xếp loại về hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao.

3. Điểm yếu

Các ý tưởng nghiên cứu khoa học, công nghệ chưa nhiều, số lượng sản phẩm còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bắt đầu từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường động viên, khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ có sự hướng dẫn của giáo viên, tạo ra những sản phẩm KHKT có chất lượng và đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2018-2019 đến thời điểm đánh giá, kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh nhà trường đều đạt chỉ tiêu đặt ra so với kế hoạch của nhà trường **[H5-5.5-03].**

Trong 05 năm qua, tỉ lệ học sinh của trường lên lớp và đỗ tốt nghiệp hằng năm đạt yêu cầu so với kế hoạch đầu mỗi năm học của nhà trường [H5-5.6-01], [H5-5.6-02].

Nhà trường cùng với GVCN, GVBM chú trọng việc định hướng, phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch **[H5-5.4-02].**

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ xếp loại về học lực và hạnh kiểm của học sinh toàn trường có chuyển biến tích cực **[H5-5.5-03].**

Trong 05 năm gần đây, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp luôn có chuyển biến tích cực [H5-5.6-01], [H5-5.6-02].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực loại giỏi (tốt) của trường đạt trên trên 14,05%. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 31,78%. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường chiếm 0,99%. Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 97,88% **[H5-5.5-03].**

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng đến công tác duy trì sĩ số học sinh cũng như công tác phụ đạo học sinh yếu kém nên tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 01% và tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 2% [H5-5.6-01], **[H1-1.2-10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu, kém và bồi dưỡng học sinh giỏi nên chất lượng về học lực của nhà trường có chuyển biến tích cực; Sự phối hợp giữa nhà trường với CMHS và các tổ chức xã hội tại địa phương trong giáo dục học sinh được thực hiện khá chặt chẽ nên tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh có học lực từ loại khá trở lên chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém, HS gặp khó khăn trong học tập, giúp đỡ các em hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng học sinh khá giỏi, góp phần nâng cao chất lượng chung của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường thực hiện chương trình đầy đủ, đúng quy định; kế hoạch, nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của các đối tượng học sinh; hằng năm nhà trường có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp, tổ chức các hoạt động giáo dục, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh; nhà trường luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em học tập tốt; chương trình Giáo dục địa phương phù hợp, sát thực tiễn nhà trường và địa phương; nội dung công tác hướng nghiệp, trải nghiệm, phân luồng cho học sinh được quan tâm, thể hiện qua các tiết học ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt Đội, qua nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật. Tất cả đã góp phần hình thành, phát triển các kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; từ đó kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh được nâng cao, đạt mục tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra từ đầu năm.

Tuy nhiên, trong tổ chức thực hiện các hoạt động, kết quả đạt được trong các hội thi của học sinh nhà trường vẫn còn hạn chế.

- *Tổng số tiêu chí: 06.*

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 06/06; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 06/06; Tỷ lệ đạt: 100%.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 0/06; Tỷ lệ đạt: 0%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0

- **Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2**

II. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 4

1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

1.2. Điểm mạnh

Không có.

1.3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường cần tham mưu cấp trên hướng dẫn các nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

1.5. Tự đánh giá: Không đạt.

2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

2.1. Mô tả hiện trạng

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu của nhà trường được tạo điều kiện để hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân. Tuy nhiên, sự tham gia của phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh chưa nhiều.

2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự phối hợp tham gia giáo dục học sinh khó khăn của các cá nhân, tổ chức có liên quan.

2.3. Điểm yếu

Cha mẹ học sinh chưa chủ động, tích cực tham gia.

2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường xây dựng kế hoạch sát thực tế hơn để huy động sự tham gia của các cá nhân, tập thể trong việc giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

2.5. Tự đánh giá: Không đạt.

3. Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

3.1. Mô tả hiện trạng

Có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, tuy nhiên hiệu quả chưa nhiều.

3.2. Điểm mạnh

Không có.

3.3. Điểm yếu

Học sinh của trường tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn chưa nhiều và còn gặp khó khăn từ nguồn kinh phí đầu tư cho công tác này.

3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch, đầu tư kinh phí giúp học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nhiều hơn.

3.5. Tự đánh giá: Không đạt.

4. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4.1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của nhà trường chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa có nguồn tài liệu số phục vụ nhu cầu bạn đọc.

4.2. Điểm mạnh

Giáo viên và học sinh trong nhà trường thường xuyên đọc sách và nghiên cứu tại thư viện nhà trường.

4.3. Điểm yếu

Nguồn tài liệu tại thư viện của trường chưa nhiều, chưa sinh động về thể loại.

4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư thư viện trường học theo hướng hiện đại để đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của CB, GV và HS.

4.5. Tự đánh giá: Không đạt.

5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

5.1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm học qua, các chỉ tiêu, chất lượng giáo dục của nhà trường được củng cố và nâng cao.

5.2. Điểm mạnh

Không có.

5.3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục chưa có sự vượt trội so với các trường bạn.

5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục, tích cực tham mưu với các ngành, các cấp để đầu tư kinh phí kịp thời cho các hạng mục để nhà

trường khang trang hơn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

5.5. Tự đánh giá: không đạt.

6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

6.1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm vừa qua, nhà trường có kết quả giáo dục phù hợp với đặc điểm nhà trường và tình hình thực tế địa phương, các hoạt động của nhà trường ổn định, tuy nhiên chưa có sự vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

6.2. Điểm mạnh

Không có.

6.3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục của nhà trường chưa vượt trội so với các trường bạn.

6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, tăng cường công tác chỉ đạo chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học, đầu tư bồi dưỡng HSG, học sinh năng khiếu và rèn luyện học sinh còn chậm trong học tập.

6.5. Tự đánh giá: không đạt.

Kết luận:

Trong những năm vừa qua, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục. Thư viện có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng dần hằng năm, tỷ lệ học sinh yếu, kém được giảm dần.

Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

Tổng số nội dung của Điều 22, Thông tư số 18 là 06.

+ Số nội dung đạt yêu cầu mức 4: 0/06, tỷ lệ: 0%.

+ Số nội dung không đạt yêu cầu mức 4: 06/06, tỷ lệ: 100%.

Tự đánh giá: Trường không đạt Mức 4.

Phần III
KẾT LUẬN CHUNG

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm cao, Hội đồng tự đánh giá trường THCS Hành Tín Tây đã thực hiện theo quy trình, đảm bảo tính khách quan trong nhìn nhận, đánh giá các các chuẩn, các tiêu chuẩn của nhà trường. Các nhóm được phân công đã nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, cụ thể là thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT, và đã tích cực thu thập minh chứng, đối chiếu từng tiêu chí, tiêu chuẩn để có cơ sở đánh giá đúng theo quy định.

Công tác tự đánh giá các hoạt động của nhà trường là trong thời gian 05 năm, đây là khoảng thời gian khá dài. Vì vậy, việc thu thập minh chứng gặp nhiều khó khăn, do có sự thay đổi về nhân sự, đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách bộ phận dẫn đến công tác lưu giữ hồ sơ có nhiều hạn chế, một số minh chứng bị thất lạc...

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, trường THCS Hành Tín Tây đã nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn của Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hành; cùng với tinh thần trách nhiệm của các thành viên trong hội đồng tự đánh giá của nhà trường, nhà trường đã có được những minh chứng cần thiết để nhìn nhận một cách bao quát, tổng thể, khách quan về các hoạt động trong 05 năm qua của nhà trường một cách khá đầy đủ.

Qua khảo sát, xem xét, đánh giá 28 tiêu chí của 05 tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn của kiểm định chất lượng giáo dục, Hội đồng tự đánh giá nhà trường nhận thấy: về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường đáp ứng được yêu cầu dạy và học; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, các tổ chức đoàn thể chính trị hoạt động hiệu quả; chất lượng dạy và học của nhà trường ngày một ổn định; công tác thu chi tài chính của nhà trường hợp lý, đúng quy định.

Nhà trường đối chiếu, căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, căn cứ vào kết quả tự kiểm tra và đánh giá của Hội đồng tự đánh giá, trường THCS Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tự đánh giá như sau:

1. Kết quả đánh giá từng tiêu chí:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 28/28 tiêu chí, tỉ lệ: 100%.
  Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/28 tiêu chí, tỉ lệ: 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 28/28 tiêu chí, tỉ lệ: 100%.
  Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 0/28 tiêu chí, tỉ lệ: 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 3/20 tiêu chí, tỉ lệ: 15,0%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3: 17/20 tiêu chí, tỉ lệ: 75%.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu mức 4: 0/06 tiêu chí, tỉ lệ: 0%.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu mức 4: 06/6 tiêu chí, tỉ lệ: 100%.

2. Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2

3. Đề nghị cấp trên kiểm tra công nhận:

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2.**
- Đạt trường chuẩn quốc gia **Mức độ 1.**

Trường THCS Hành Tín Tây trân trọng đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi, Sở GD&ĐT Quảng Ngãi tiến hành đánh giá ngoài và xem xét, công nhận trường THCS Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Hội đồng tự đánh giá trường THCS Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở GD&ĐT Quảng Ngãi;
- UBND huyện Nghĩa Hành;
- Phòng GD&ĐT Nghĩa Hành;
- Lưu VT.

Hành Tín Tây, ngày 20 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Minh Tuấn

PHỤ LỤC IV. DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG
TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ghi chú
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.			
1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025.	
		Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030.	
2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2015-2020.	
		Nghị quyết Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020-2025.	
		Nghị quyết HĐND xã từ năm 2018 đến năm 2023.	
3	[H1-1.1-03]	Đường dẫn Website của nhà trường: http://c2hanhtintaynh.quangngai.edu.vn/.	Quan sát thực tế
4	[H1-1.1-04]	Sổ biên bản Hội đồng trường.	
5	[H1-1.1-05]	Nghị quyết Hội nghị Viên chức từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
6	[H1-1.1-06]	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020; Báo cáo rà soát kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020.	
Tiêu chí 1.2 : Hội đồng trường và các Hội đồng khác.			
7	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2015 – 2020.	
		Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 – 2026.	
8	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn tâm lý từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
9	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng TĐ-KT từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2023-2024.	
10	[H1-1.2-04]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2015 – 2020.	
		Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 – 2026.	

11	[H1-1.2-05]	Kế hoạch hoạt động Hội đồng Tư vấn tâm lý từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
12	[H1-1.2-06]	Biên bản họp xét TĐ-KT từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
13	[H1-1.2-07]	Biên bản họp Hội đồng trường năm 2018 đến năm 2023.	
14	[H1-1.2-08]	Báo cáo tổng kết hoạt động Hội đồng tư vấn tâm lý từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
15	[H1-1.2-09]	Kết quả công nhận TĐ-KT cuối năm 2018 – 2019.	
		Quyết định về việc khen thưởng thành tích cuối năm 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022.	
		Kết quả công nhận Thi đua – Khen thưởng cuối năm 2022 – 2023.	
16	[H1-1.2-10]	Báo cáo tổng kết từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022-2023.	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức của Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.			
17	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn nhiệm kỳ 2017 – 2022.	
		Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn nhiệm kỳ 2023 – 2028.	
		Danh sách công đoàn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
18	[H1-1.3-02]	Kế hoạch kết hợp với xã Đoàn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
		Quyết định KN Đoàn viên từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
19	[H1-1.3-03]	Nghị quyết Đại hội Liên đội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
		Quyết định BCH liên đội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
21	[H1-1.3-04]	Kế hoạch HĐ Công đoàn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
22	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động Đội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	

23	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
24	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết HĐ Đội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
25	[H1-1.3-08]	Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ nhiệm kỳ 2017-2020.	
		Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022.	
		Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025.	
		Danh sách Đảng viên từ năm 2019-2023.	
26	[H1-1.3-09]	Báo cáo hoạt động Chi bộ NK: 2017-2020.	
		Nghị quyết đại hội Chi bộ NK: 2022-2025.	
		Sổ biên bản sinh hoạt Chi bộ từ 2018 đến 2023	
27	[H1-1.3-10]	Nhận xét, đánh giá Chi bộ của địa phương 2019-2022.	
28	[H1-1.3-11]	Kết quả đánh giá, xếp loại Công đoàn 2018-2023.	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng.			
29	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THCS Hành Tín Tây.	
30	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THCS Hành Tín Tây.	
		Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THCS Hành Tín Tây.	
31	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập Tổ Khoa học tự nhiên từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
		Quyết định thành lập Tổ Xã hội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
32	[H1-1.4-04]	Quyết định thành lập Tổ Văn phòng từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
33	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động Tổ Khoa học tự nhiên từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
		Kế hoạch hoạt động Tổ Khoa học xã hội từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	

34	[H1-1.4-06]	Kế hoạch hoạt động Tổ Văn phòng từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
35	[H1-1.4-07]	Hồ sơ tổ chức sinh hoạt chuyên đề từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
36	[H1-1.4-08]	Sổ biên bản họp tổ chuyên môn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	
37	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	Mã hoá
Tiêu chí 1.5: Lớp học.			
38	[H1-1.5-01]	Sổ Đăng bộ GV-HS từ năm 2018-2023.	
39	[H1-1.5-02]	Danh sách học sinh các lớp hằng năm.	
40	[H1-1.5-03]	Biên bản họp bầu BCS lớp hằng năm.	
41	[H1-1.5-04]	Sổ gọi tên và ghi điểm từ 2018 đến 2023.	
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.			
42	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, Công văn đến, đi từ năm 2018 đến 2023.	
		Sổ quản lý tài sản và thiết bị giáo dục từ năm 2018 đến 2023.	
		Sổ quản lý tài chính hằng năm.	
43	[H1-1.6-02]	Dự toán ngân sách năm 2018 đến 2023	
44	[H1-1.6-03]	Qui chế chi tiêu nội bộ từ năm 2018 đến năm 2022.	
45	[H1-1.6-04]	Công khai tài chính từ năm 2018 đến năm 2022.	
46	[H1-1.6-05]	Biên bản kiểm kê tài sản (từ 2018-2023).	
47	[H1-1.6-06]	Hồ sơ hợp đồng phần mềm quản lý tài sản	
48	[H1-1.6-07]	Báo cáo quyết toán năm từ năm 2018 đến năm 2022.	
49	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022-2023.	Mã hoá
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên.			

50	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV, NV từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
		Kế hoạch BDTX từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
51	[H1-1.7-02]	Quyết định kèm bảng phân công nhiệm vụ GV, NV từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023.	
52	[H1-1.7-03]	Bảng lương và các chế độ từ 2018 – 2022.	
53	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết nhà trường.	Mã hoá
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục			
54	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
55	[H1-1.8-02]	Thời khóa biểu từ năm học 2018–2019 đến năm học 2022-2023.	
56	[H1-1.8-03]	Sổ đầu bài từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
57	**[H1-1.1-05]**	Nghị quyết Hội nghị Viên chức	Mã hóa
58	**[H1-1.2-07]**	Biên bản họp Hội đồng trường.	
59	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết nhà trường.	
60	[H1-1.8-04]	Kế hoạch KTNB từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở			
61	**[H1-1.1-06]**	Nghị quyết Hội nghị Viên chức từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	Mã hóa
62	[H1-1.9-01]	Qui chế dân chủ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
63	[H1-1.9-02]	Báo cáo TTND từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
64	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện qui chế dân chủ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
65	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết nhà trường.	Mã hóa
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học			
66	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an toàn ANTT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
		Kế hoạch phối hợp thực hiện đảm an toàn vệ sinh thực phẩm từ năm học 2018-2019 đến năm học	

		2022-2023.	
		Kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích.	
		Kế hoạch an toàn phòng, chống cháy nổ.	
		Phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.	
		Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.	
		Kế hoạch thực hiện phòng chống mại dâm giai đoạn 2021-2025.	
		Kế hoạch công tác phòng chống Ma túy, HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội.	
		Kế hoạch thực hiện chương trình phòng, chống bạo lực học đường.	
67	[H1-1.10-02]	Hộp thư góp ý của nhà trường.	
68	[H1-1.10-03]	Báo cáo về việc thực hiện phòng, chống TNXH, bạo lực học đường, bình đẳng giới.	
69	[H1-1.10-04]	Báo cáo thực hiện xây dựng trường học an toàn về ANTT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	

TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ghi chú
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.			
1	[H2-2.1-01]	Văn bằng, chứng chỉ của Hiệu trưởng.	
2	[H2-2.1-02]	Văn bằng, chứng chỉ của Phó Hiệu trưởng.	
3	[H2-2.1-03]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng.	
4	[H2-2.1-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn của Phó Hiệu trưởng.	
5	[H2-2.1-05]	Công văn tập huấn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.			
6	**[H1-1.7-02]**	Quyết định, bảng phân công nhiệm vụ GV,NV.	Mã hoá
7	[H2-2.2-01]	Văn bằng, chứng chỉ của giáo viên.	
8	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV hằng năm.	
9	[H2-2.2-03]	Quyết định khen thưởng thi KHKT.	
10	[H2-2.2-04]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá GV.	
11	[H2-2.2-05]	Quyết định công nhận sáng kiến và Quyết định khen GVDG các cấp.	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên			
12	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên (kể cả kiêm nhiệm).	
13	**[H1-1.7-02]**	Quyết định, kèm bảng phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên.	Mã hoá
14	[H2-2.3-02]	Đánh giá xếp loại nhân viên hằng năm.	
	[H2-2.3-03]	Bằng cấp của nhân viên.	
16	[H2-2.3-04]	Văn bản tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên.	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh			
17	**[H1-1.5-01]**	Sổ đăng bộ HS.	Mã hóa
18	**[H1-1.5-04]**	Sổ gọi tên và ghi điểm.	Mã hóa
19	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm.	Mã hóa
20	[H2-2.4-01]	Nội quy học sinh.	
21	[H2-2.4-02]	Khen thưởng HS các cấp.	

TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ghi chú
Tiêu chí 3.1: Đối với khuôn viên sân chơi, bãi tập.			
1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận QSDĐ của nhà trường.	
2	[H3-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	
3	[H3-3.1-03]	Quan sát thực tế.	
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập.			
4	**[H1-1.6-01]**	Sổ quản lý tài sản và thiết bị giáo dục.	
5	[H3-3.2-01]	Bảng phân công phòng học. Biên bản bàn giao CSVC.	
		Bảng phân công phòng học của nhà trường từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
6	**[H3-3.1-02]**	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	Mã hoá
7	[H3-3.2-02]	Bảng kê khai tài sản của phòng thực hành KHTN, KHXH, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
8	[H3-3.2-03]	Bảng kê khai tài sản của phòng: Thư viện, Thiết bị giáo dục, Tư vấn học đường, Đội – y tế, Truyền thống, phòng họp cán bộ GV, phòng tổ chuyên môn KHXH, phòng tổ chuyên môn KHTN, nhà kho từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
9	[H3-3.2-04]	Quan sát thực tế.	
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính- quản trị			
10	**[H1-1.6-01]**	Sổ quản lý tài sản và thiết bị giáo dục.	Mã hoá
11	**[H3-3.1-02]**	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	Mã hoá
12	[H3-3.3-01]	Bảng kê khai tài sản của phòng HT, PHT; văn phòng, phòng bảo vệ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	

13	[H3-3.3-02]	Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy.	
14	[H3-3.3-02]	Quan sát thực tế	
15	[H3-3.3-04]	Hồ sơ mua sắm, sửa chữa cho khối hành chính - quản trị từ năm 2019-2022.	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước			
16	**[H3-3.1-02]**	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.	Mã hoá
17	[H3-3.4-01]	Kế hoạch lao động, vệ sinh từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023. Biên bản kiểm kê tài sản phòng vệ sinh GV-HS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
18	[H3-3.4-02]	Giấy chứng nhận nguồn nước giếng hợp vệ sinh của địa phương từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
		Hợp đồng cung cấp nước uống từ năm 2021-2023.	
19	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác thải.	
20	[H3-3.4-04]	Quan sát thực tế.	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị			
21	**[H1-1.6-01]**	Sổ quản lý tài sản và TBGD.	Mã hoá
22	[H3-3.5-01]	Hồ sơ mua sắm TB hàng năm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
23	[H3-3.5-02]	Sổ theo dõi sử dụng TBGD từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
24	**[H1-1.6-05]**	Biên bản kiểm kê tài sản	Mã hoá
25	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê tài sản các phòng bộ môn từ năm 2018- 2023.	
26	[H3-3.5-04]	Hợp đồng sử dụng mạng Internet.	
Tiêu chí 3.6: Thư viện			
27	**[H1-1.6-01]**	Sổ quản lý tài sản và TBGD.	Mã hoá
28	[H3-3.6-01]	Danh mục sách thư viện.	
29	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động thư viện từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
30	[H3-3.6-03]	Kế hoạch mua sắm bổ sung sách hàng năm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
31	[H3-3.6-04]	Hồ sơ công nhận thư viện đạt chuẩn năm 2016.	

TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ghi chú
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.			
1	[H4-4.1-01]	- Biên bản các cuộc họp CMHS của các lớp đầu năm học từ năm 2018 đến năm 2023. - Danh sách Ban đại diện CMHS lớp và của trường từ năm học 2018 đến năm học 2023.	
2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
3	[H4-4.1-03]	Biên bản các cuộc họp của BĐD CMHS của trường từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
4	[H4-4.1-04]	Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và CMHS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
5	[H4-4.1-05]	Báo cáo tổng kết của Ban đại diện CMHS từ năm học 2018–2019 đến năm học 2022 – 2023.	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.			
6	**[H1-1.8-01]**	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Mã hoá
7	[H4-4.2-01]	- Biên bản nhận gạo hỗ trợ học sinh năm học 2018-2019. - Biên bản họp xét đề nghị hỗ trợ theo chương trình "sóng và máy tính cho em" năm học 2021-2022 và 2022-2023. - Biên bản họp xét học bổng khuyến học năm học 2021-2022.	
8	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyên truyền ngày 22/12 (từ năm 2018 - 2019 đến năm học 2022 -2023). Kế hoạch thăm viếng, quét dọn nghĩa trang liệt sĩ từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023. Kế hoạch, hình ảnh phối hợp giữa công an huyện, công an xã tuyên truyền Luật An toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội từ năm học 2018-2019	

		đến năm học 2022-2023.	
9	**[H1-1.1-01]**	- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025. - Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030.	Mã hóa

TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ghi chú
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.			
1	**[H1-1.8-01]**	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Mã hóa
2	**[H1-1.8-02]**	Thời khóa biểu, phân công chuyên môn.	Mã hóa
3	[H5-5.1-01]	Chương trình GDPT 2018.	
4	[H5-5.1-02]	Kế hoạch chuyên môn của trường từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
5	[H5-5.1-03]	Kế hoạch dạy học của giáo viên.	
6	[H5-5.1-04]	Kế hoạch kiểm tra định kỳ của trường.	
7	[H5-5.1-05]	Kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập.	
8	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết năm học.	Mã hóa
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.			
9	[H5-5.2-01]	Kế hoạch phụ đạo học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
10	[H5-5.2-02]	Bảng phân công GV bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo cho HS khó khăn trong học tập và rèn luyện.	
11	[H5-5.2-03]	Danh sách HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.	
12	[H5-5.2-04]	Báo cáo rà soát, đánh giá các HĐGD cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	
13	**[H2-2.4-02]**	Khen thưởng HS các cấp.	Mã hóa
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.			
14	[H5-5.3-01]	Kế hoạch dạy học chương trình GDĐP từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023.	
15	[H5-5.3-02]	Tài liệu dạy học CTGDĐP.	
16	[H5-5.3-03]	Kế hoạch bài dạy môn GDĐP.	

17	[H5-5.3-04]	Thống kê kết quả đánh giá môn GDĐP năm học 21-22 và năm học 22-23.	
18	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm.	Mã hóa
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.			
19	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
		Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
20	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh lớp 9 từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
21	[H5-5.4-03]	Bảng phân công GV-NV tham gia các HĐTN-HN từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
22	[H5-5.4-04]	Kế hoạch CLB Tiếng Anh; Hội trại 26/3; ngày hội thiếu nhi.	
23	[H5-5.4-05]	Báo cáo rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
24	[H5-5.4-06]	Báo cáo rà soát, đánh giá kết quả hướng nghiệp, phân luồng HS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh.			
25	**[H1-1.8-01]**	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Mã hóa
26	[H5-5.5-01]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
27	[H5-5.5-02]	Kế hoạch tổ chức hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
28	[H5-5.5-03]	Kết quả xếp loại HL-HK của học sinh.	
29	[H5-5.5-04]	Kế hoạch dạy học STEM. Hồ sơ dự thi KHKT của học sinh.	
30	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm.	Mã hóa
Tiêu chí 5.6. Kết quả giáo dục			
31	**[H5-5.5-03]**	Kết quả xếp loại HL-HK của học sinh.	Mã hóa

32	[H5-5.6-01]	Thống kê kết quả học sinh lên lớp, ở lại từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
33	[H5-5.6-02]	Danh sách HS được công nhận tốt nghiệp THCS; Danh sách HS trúng tuyển vào các trường THPT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	
34	**[H5-5.4-02]**	Báo cáo rà soát, đánh giá kết quả hướng nghiệp, phân luồng HS từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.	Mã hóa
35	**[H1-1.2-10]**	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm.	Mã hóa